

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-PT  
Ngày: 27 – 5 – 2024  
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tư

*Các Thẩm phán:* Ông Lâm Văn Năm

Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLPT - HNGĐ, ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 186/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1961. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A, khóm T, phường T, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M1**, sinh năm 1959. (Có mặt)

Địa chỉ: **Số A ấp P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.**

Chỗ ở hiện nay: **Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.**

Do có kháng cáo của: Ông **Nguyễn Văn M1** – Là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà **Nguyễn Thị M** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1988 bà và ông Nguyễn Văn M1 kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 22/11/1988 tại Ủy ban nhân dân phường I, thị xã V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã ly thân mười năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M1.

Về con chung: có 04 người con chung tên Nguyễn Hoàng Thảo T, sinh ngày 23/3/1990, Nguyễn Hoàng Minh H, sinh ngày 05/5/1997, Nguyễn Hoàng Thanh H1, sinh ngày 05/5/1997 và Nguyễn Hoàng Diệu H2, sinh ngày 05/5/1997, các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn ông Nguyễn Văn M1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của bà M về thời gian kết hôn, về con chung. Về mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng không đúng như lời trình bày của bà M, do đó ông M1 không đồng ý ly hôn với bà M.

Về tài sản chung: có yêu cầu chia tài sản.

\* Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 186/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 28, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 và Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M với ông Nguyễn Văn M1.
2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét.
3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét phần tài sản trong cùng vụ án. Trường hợp đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản thì sẽ khởi kiện 01 vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

2. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét do không có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/01/2024 bị đơn Nguyễn Văn M1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Ông M1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ

thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ để giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn **Nguyễn Thị M** trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn **Nguyễn Văn M1** trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Nguyễn Văn M1**; Giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Ông **M1** là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 08/01/2024 bị đơn **Nguyễn Văn M1** kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của ông **M1** được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm phần thủ tục bắt đầu phiên tòa ông **Nguyễn Văn M1** trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Không cung cấp tài liệu chứng cứ mới. Đến phần hỏi của Hội đồng xét xử ông **M1** cho rằng nhức đầu và bỏ về. Xét thấy, ông **M1** có đơn kháng cáo và tại phiên tòa ông đã trình bày nên việc ông **M1** bỏ về Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đơn kháng cáo ông **M1**. Đồng thời đây là lần thứ 3 ông **M1** bỏ về với lý do ông nêu là không đủ sức khỏe để tham dự và Tòa án cũng yêu cầu ông **M1** cung cấp hồ sơ bệnh án và giấy tờ liên quan nhưng ông **M1** không cung cấp. Do đó, tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Ông **M1** kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ đầy đủ để giải quyết vụ án được toàn diện, khách quan. Ông **M1** cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết yêu cầu xin ly hôn của bà **M** mà không thụ lý, giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông **M1** là giải quyết giải quyết vụ án không toàn diện, khách quan. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, tại phiên hòa giải ngày 11/10/2023 ông **M1** có yêu cầu chia tài sản chung nhưng không thể hiện yêu cầu chia tài sản chung là gì và

yêu cầu cụ thể như thế nào; cùng ngày 11/10/2023 Tòa án ra thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ số 36/YCGNCC, yêu cầu ông M1 cung cấp đơn yêu cầu chia tài sản và các loại giấy tờ có liên quan đến tài sản yêu cầu chia, thời gian giao nộp là 15 ngày kể từ ngày ông M1 nhận được thông báo (ngày 11/10/2023). Theo thông báo yêu cầu giao nộp chứng cứ số 36/YCGNCC ngày 11/10/2023 thì đến hết ngày 25/10/2023 là hết thời hạn 15 ngày nhưng Tòa án chưa nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của ông M1. Đến ngày 30/10/2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HNGĐ để xét xử yêu cầu xin ly hôn của bà M, cùng ngày 30/10/2023 Tòa án nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung đề ngày 28/10/2023 của ông M1, ông M1 không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc nộp đơn yêu cầu trễ hạn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu chia tài sản chung trong cùng vụ án là có căn cứ. Đồng thời, án sơ thẩm chưa xem xét phần tài sản nếu có tranh chấp chia tài sản ông M1 có quyền khởi kiện vụ kiện chia tài sản sau khi ly hôn là vẫn bảo đảm quyền lợi cho đương sự.

Do phần tài sản chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, nên căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm không giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông M1.

Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn M1, giữ nguyên án sơ thẩm.

[3] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do ông M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M1.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 186/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn M1.

2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Do bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn M1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TAND.H L: 01b;
- THADS.H L: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: 06b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tư**